



**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp  
cho lao động nông thôn 9 năm giai đoạn (2010-2018)**

Thực hiện Công văn số 6968/BNN-KTHT ngày 10/9/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông về việc tập trung chỉ đạo thực hiện kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo như sau:

**I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP 9 NĂM (2010-2018)**

**1. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Thực hiện Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/9/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020, UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 11/11/2011 phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 phê duyệt điều chỉnh cơ cấu kinh phí thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020"; thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ chuyên viên triển khai thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" trên địa bàn tỉnh; ban hành Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 22/10/2013 về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" nhằm huy động sự tham gia của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia thực hiện Đề án.

- Các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố đã đưa nội dung triển khai thực hiện Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn" vào các chương trình, kế hoạch để triển khai thực hiện Đề án; thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Đề án cấp huyện; tổ chức Hội nghị triển khai tới cán bộ chủ chốt của huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn...

- Hàng năm, chỉ đạo các sở, ngành, các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh tổng hợp các danh mục nghề nông nghiệp, phi nông nghiệp cần đào tạo, xây dựng định mức chi phí đào tạo cho từng nghề trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục nghề, chương trình khung, định mức chi: Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 24/10/2011, Quyết định số 515/QĐ-UBND ngày 10/4/2013, Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 20/02/2014 và Quyết định số 1101/QĐ-UBND ngày 23/6/2016, Quyết định số 490/QĐ-UBND ngày 27/4/2018. Trên cơ sở đó, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội và Sở Nông nghiệp & PTNT có văn bản

triển khai hướng dẫn tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

## 2. Kết quả hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn

### a) Đào tạo được cấp chứng chỉ

- Số lao động nông thôn được hỗ trợ học nghề nông nghiệp theo chính sách của Đề án 1956 trong 9 năm (2010 - 2018) là: 13.987 người (*kế hoạch 14.800 người*) đạt 94.5 % so với kế hoạch. Cụ thể: năm 2010: 1.174 người; năm 2011: 1.035 người; năm 2012: 3.671 người; năm 2013: 2.283 người; năm 2014: 2.129 người; năm 2015: 1.957 người; năm 2016: 422 người; năm 2017: 756 người; năm 2018: 560 người.

- Số lao động nữ tham gia học nghề là: 7.178 người

Bao gồm các đối tượng:

- + Lao động thuộc diện hộ gia đình có công với cách mạng là: 857 người
- + Lao động thuộc diện hộ nghèo là: 2.121 người
- + Lao động là đồng bào dân tộc thiểu số là: 2.803 người
- + Lao động là người khuyết tật là: 29 người
- + Lao động thuộc diện bị thu hồi đất sản xuất là: 281 người
- + Lao động thuộc hộ cận nghèo là: 352 người
- + Lao động nông thôn khác là: 7.544 người

(*chi tiết phụ lục 1 kèm theo*)

- Hiệu quả đào tạo nghề nông nghiệp, Trong giai đoạn năm 2010-2018 chủ yếu tập trung đào tạo các nghề về kỹ thuật và quản lý sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nghề trồng và khai thác rừng, nghề nuôi trồng thủy sản, chế biến nông, lâm, thủy sản và các nghề đào tạo để thực hiện các chương trình chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đã đào tạo cho 13.987 lượt người tham gia, số người có việc làm (*chủ yếu là tự tạo việc làm*) là: 12.260 người, chiếm 87,6 %

(*chi tiết tại phụ lục III kèm theo*)

b) Đào tạo không cấp chứng chỉ, lao động nông thôn học nghề nông nghiệp do các tổ chức phi chính phủ, các Hội, hiệp hội, Trung tâm Khuyến nông và các tổ chức khác đào tạo nghề không cấp chứng chỉ trên địa bàn tỉnh không có tổ chức đào tạo, chủ yếu là bồi dưỡng, tập huấn kỹ thuật cho người lao động.

### c) Hoạt động đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn

\* *Mô hình có hiệu quả*

- Mô hình điển hình (cá nhân) sau khi học nghề tự tạo việc làm (mở trang trại nuôi gà) có hiệu quả đáng kể như mô hình trang trại nhà ông Đặng Quang Hồng ở xã Tịnh Ấn thành phố Quảng Ngãi làm có hiệu quả (8tr/tháng/ người).

- Mô hình dạy nghề cho ngư dân vùng ven biển: Đã tổ chức thí điểm và nhân rộng mô hình dạy nghề Thuyền trưởng, Máy trưởng tàu các hạng tư, Thuyền viên tàu cá cho 3.151 người. Số lao động này được nâng cao tay nghề, thu nhập bình quân 7 - 10 triệu đồng/tháng, một số lao động có thu nhập từ 15 triệu - 20 triệu đồng/tháng.

- Việc tổ chức đào tạo tại các mô hình điểm này được thực hiện ngay tại địa phương được chọn làm điểm để thuận lợi cho bà con nông dân tham gia học nghề. Chính quyền và các đoàn thể của xã phối hợp chặt chẽ với cơ sở đào tạo tổ chức tuyển sinh, quản lý lớp học, giám sát quá trình đào tạo và giải quyết việc làm cho người lao động học nghề tại các mô hình, đặc biệt là giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ của Nhà nước cho người học nghề.

*\* Hoạt động tuyên truyền, tư vấn học nghề và việc làm đối với lao động nông thôn*

Số lượng chuyên mục, chuyên đề, tin, bài viết về dạy nghề cho LĐNT trong 9 năm (2010-2018) được phát sóng trên Đài Phát thanh - truyền hình tỉnh, đài phát thanh địa phương như sau:

- Số lượng tin, bài, phóng sự phát Số lượng tin, bài in trên các báo, tạp chí của địa phương: Đăng tải 500 tin, ảnh, 60 bài viết trên báo in và báo điện tử. Thực hiện 3 số chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về chính sách của Đề án 1956 và kết quả, hiệu quả sau học nghề (2010 - 2018). Đặc biệt chú trọng đăng tải thông tin phản ánh các gương điển hình của LĐNT sau học nghề đã áp dụng có hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, được doanh nghiệp tuyển dụng, có việc làm mới, thu nhập cao và ổn định. Ngoài ra, còn có các tin và bài viết chuyên đề tuyên truyền về kết quả, hiệu quả thực hiện Đề án 1956 của tỉnh trên Báo Lao động xã hội.

- Số lượng cán bộ làm công tác tuyên truyền, tư vấn học nghề, việc làm được đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ trong 9 năm (2010 - 2018): 1.060 lượt người là cán bộ phụ trách công tác dạy nghề cấp xã, cấp huyện, Hội nông dân từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Nhìn chung, công tác truyền thông đã góp phần quan trọng trong việc tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, nhân dân và toàn xã hội về vai trò, vị trí công tác dạy nghề trong phát triển nông nghiệp, nông dân và nông thôn, tạo được sự chuyển biến tích cực trong tổ chức thực hiện Đề án, Công tác truyền thông về chính sách dạy nghề, tư vấn học nghề đã từng bước giúp người lao động nhận thức, hiểu rõ sự cần thiết và lợi ích của việc học nghề để nâng cao tay nghề, có nghề mới, tăng thu nhập và phát triển kinh tế gia đình; hình thành ý thức và thói quen để lao động nông thôn tích cực, chủ động tham gia học nghề, thích nghi với sự vận động của nền kinh tế thị trường và sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Việc phản ánh kết quả, hiệu quả sau học nghề đã có tác dụng quảng bá, nhân

rộng mô hình học nghề ra các địa phương khác, tạo phong trào thi đua sản xuất, học tập kinh nghiệm lẫn nhau và tích cực tham gia học nghề.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác truyền thông vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần tiếp tục khắc phục như chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền về Đề án 1956; xây dựng chuyên mục và dành thời lượng tuyên truyền, tư vấn học nghề cho lao động nông thôn cho người dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa nhận thức lợi ích của học nghề chưa đầy đủ, các tổ chức, đoàn thể và cá nhân người lao động, cần nhận thức tốt công tác tư vấn, học nghề và việc làm để triển khai thực hiện kịp thời, sâu rộng, nhiều hình thức và kịp tiến độ.

*\* Về đánh giá tài liệu, chương trình, giảng dạy đào tạo nghề cho lao động nông thôn*

- Căn cứ chương trình khung trình độ sơ cấp nghề, phục vụ dạy nghề cho lao động nông thôn của Tổng cục Dạy nghề, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội đã hướng dẫn các Cơ sở dạy nghề biên soạn lại chương trình, giáo trình giảng dạy cho phù hợp, theo hướng tiệm cận với nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh. Đồng thời cho in bộ chương trình khung, danh mục thiết bị dạy nghề để cung cấp cho các cơ sở dạy nghề sử dụng. Các cơ sở dạy nghề tham gia dạy nghề đã phê duyệt chương trình dạy nghề (trong đó có chương trình dạy nghề nông nghiệp và chương trình dạy nghề phi nông nghiệp). Hàng năm, trên cơ sở nhu cầu học nghề sử dụng lao động của doanh nghiệp và thị trường lao động, các cơ sở dạy nghề chỉnh sửa, biên soạn chương trình, giáo trình dạy nghề cho phù hợp.

- Nhìn chung: Việc xây dựng chương trình, giáo trình, theo danh mục nghề đào tạo, định mức chi phí đào tạo nghề và chất lượng chương trình, giáo trình dạy nghề tương đối phù hợp, đồng thời được bổ sung hằng năm khi có nhu cầu học nghề của người dân. Tuy nhiên, về thời gian đào tạo rút ngắn vì người học nghề nông nghiệp chỉ cần học kỹ thuật, kỹ năng, kiến thức khoa học để áp dụng làm tăng năng suất, tăng thu nhập. Đa số nghề nông nghiệp thời gian đào tạo còn quá dài, người tham gia học nghề khó có điều kiện tham gia học đầy đủ, gây khó khăn về thời gian học tập. Để phù hợp với đặc điểm, điều kiện cụ thể theo yêu cầu thực tế hàng năm và phù hợp với người học; tiếp tục đổi mới chương trình, giáo trình và phương pháp dạy nghề theo hướng tăng cường bài giảng tích hợp, chủ yếu là cầm tay chỉ việc, phát huy năng lực của cá nhân, chủ động cho người học nghề gắn với thực tế sản xuất của gia đình.

*\* Về cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, người dạy nghề*

- Tổ chức đào tạo bổ sung giáo viên cho các Trung tâm GDNN- GDTX; đào tạo về kỹ năng dạy nghề, bồi dưỡng giáo viên dạy kiến thức kinh doanh, khởi nghiệp cho lao động nông thôn; tổ chức bồi dưỡng cho người dạy nghề là nghề nhân, nông dân sản xuất giỏi, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, người có tay nghề cao để tham gia đào tạo nghề cho động nông thôn cụ thể: Số lượng giáo viên, người dạy nghề được đào tạo, bồi dưỡng là 413 giáo viên được bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm nghề,

182 giáo viên được bồi dưỡng kỹ năng dạy học, kỹ năng dạy tích hợp cho giáo viên dạy nghề.

- Số giáo viên cơ hữu được bố trí tại các trung tâm dạy nghề là 538 giáo viên.

*\* Về hoạt động kiểm tra, giám sát, dự báo nhu cầu, đánh giá tình hình thực hiện đào tạo nghề nông nghiệp*

- Hàng năm, tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát Chương trình đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn (1 đến 2 kỳ/năm). Ngoài ra, hàng năm, BCD 1956 của tỉnh xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Kế hoạch đào tạo nghề cho LĐNT theo Đề án 1956 tại các huyện, thành phố.

- Nhìn chung Ban Chỉ đạo các huyện, thành phố chưa thường xuyên tổ chức họp giao ban định kỳ để sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; chưa thường xuyên tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát tình hình triển khai thực hiện Đề án ở các xã, phường, thị trấn; chưa thực hiện các chế độ thông tin, báo cáo định kỳ theo quy định; chưa có sự phân công cụ thể cho các thành viên trong Ban Chỉ đạo cấp huyện đứng cánh chỉ đạo, theo dõi ở các xã nên không kiểm tra được kết quả chỉ đạo cũng như không kiểm điểm được trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo;

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, hội đoàn thể ở cấp xã chưa thực sự tích cực tham gia theo dõi, kiểm tra, giám sát các lớp dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn.

### 3. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí: 27,756 triệu đồng trong đó:

+ Kinh phí do Trung ương hỗ trợ từ nguồn chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới: 10,526 triệu đồng.

+ Kinh phí địa phương: 17,230 triệu đồng

+ Nguồn kinh phí khác: Không có

*(Chi tiết phụ lục II)*

### 4. Đánh giá chung

#### *a) Những ưu điểm*

- Công tác tổ chức, chỉ đạo, điều hành đã được UBND tỉnh chỉ đạo kịp thời. Ban Chỉ đạo 1956 các cấp được thành lập, kiện toàn và chỉ đạo, điều hành việc thực hiện Đề án 1956. Công tác tuyên truyền về chính sách của Đề án và tình hình kết quả thực hiện được quan tâm đúng mức đã có tác dụng tích cực trong việc nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, nhân dân và người lao động về ý nghĩa, vị trí, vai trò của công tác đào tạo nghề cho LĐNT.

- Nhận thức về đào tạo nghề của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương và người lao động đã có nhiều thay đổi; công tác đào tạo nghề được

quan tâm, người lao động đã chủ động tham gia học nghề để tìm kiếm việc làm và tự tạo việc làm.

- Chất lượng đào tạo nghề đã thay đổi, loại hình và hình thức dạy nghề sửa đổi cho phù hợp hơn. Qua học nghề đã giúp người dân tiếp cận những kiến thức cơ bản về khoa học, kỹ năng trong lao động sản xuất, mở ra được ngành nghề mới, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế ở các vùng nông thôn, thực hiện an sinh xã hội.

- Bước đầu các huyện, thành phố đã chỉ đạo thực hiện hoạt động dạy nghề cho lao động nông thôn gắn với thực hiện chính sách nông nghiệp, nông dân, nông thôn và chương trình xây dựng nông thôn mới; xác định rõ các mục tiêu, chính sách, đối tượng phù hợp kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn của địa phương. Công tác tuyên truyền, tư vấn, mục tiêu, tổ chức tập huấn triển khai thực hiện hoạt động đào tạo nghề cho lao động nông thôn đã đạt những kết quả nhất định, tạo được sự chuyển biến nhận thức của cấp, ngành và người lao động về ý nghĩa, sự cần thiết của việc học nghề, gắn mục đích học nghề với nhiệm vụ xóa đói giảm nghèo, phát triển sản xuất, nâng cao chất lượng cuộc sống, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn nông thôn.

#### *b) Tôn tại và hạn chế*

- Ban Chỉ đạo 1956 của một số địa phương vẫn chưa thật sự chủ động, tích cực trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Một số địa phương nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng miền núi, công tác tuyên truyền, tư vấn cho LĐNT tham gia học nghề chưa tốt nên khó huy động được LĐNT tham gia học nghề

- Công tác xây dựng kế hoạch, lập báo cáo, định hướng phát triển nghề chưa sát với thực tế, chưa gắn với đào tạo cung cấp lao động cho doanh nghiệp và phục vụ định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp nên hiệu quả chưa cao.

- Một số sở, ngành chưa thực hiện hết nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Quyết định 1662/QĐ-UBND nên chưa tạo điều kiện giúp người dân sau học nghề có điều kiện phát triển kinh tế gia đình bằng kiến thức nghề đã học: như vay vốn để mở rộng sản xuất, kinh doanh, thị trường tiêu thụ sản phẩm...

#### *c) Nguyên nhân*

- Người dân chưa nhận thức đầy đủ về mục đích, ý nghĩa và lợi ích của đào tạo nghề, nhiều người dân học nghề theo cảm tính, trông chờ vào tiền hỗ trợ của nhà nước, chưa chú trọng vào học để lấy kiến thức cho bản thân.

- Năng lực các cơ sở đào tạo chưa đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ đào tạo, số giáo viên cơ hữu đào tạo nghề nông nghiệp ở một số cơ sở đào tạo nghề còn thiếu, giáo viên trẻ chưa có kinh nghiệm sâu về sản xuất nông nghiệp nên chưa đáp ứng được nhu cầu đào tạo hiện nay.

- Các nghề đào tạo chưa gắn với các nhiệm vụ phát triển ngành, như: tái cơ cấu, phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, Chương trình mỗi xã một sản phẩm...

- Việc kiểm tra, giám sát trong tổ chức thực hiện chưa sâu sát. Các cơ sở đào tạo chưa thực hiện nghiêm nội dung theo Hợp đồng đặt hàng đào tạo.

## **II. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NĂM 2019 - 2020**

### **1. Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp năm 2019 - 2020**

a) Mục tiêu chung: Nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nghề nông nghiệp trong lao động nông thôn để tiến tới phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, thực hiện hiệu quả tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, bảo đảm an sinh xã hội. Đảm bảo sau đào tạo tỷ lệ có việc làm và có thu nhập cao hơn, đạt 80%.

b) Mục tiêu cụ thể: Chỉ tiêu thực hiện dạy nghề giai đoạn năm 2019-2020 là: 2.350 chỉ tiêu, tổng kinh phí dự kiến: 6 tỉ đồng; kinh phí hỗ trợ đào tạo: 5,9 tỉ đồng; kinh phí kiểm tra, giám sát học nghề: 0,1 tỉ đồng; kinh phí trung ương hỗ trợ: 4 tỉ đồng; kinh phí địa phương: 2 tỉ đồng.

**2. Định hướng xác định nhu cầu và biện pháp thực hiện nguồn nhân lực trong lĩnh vực nông nghiệp giai đoạn tiếp theo**

- Xác định nhu cầu, tổ chức đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở các vùng sản xuất nguyên liệu, các dự án chuyển đổi sản xuất, lao động làm việc trong doanh nghiệp nông nghiệp trên địa bàn tỉnh, đào tạo thành viên hợp tác xã, trang trại, lao động thực hiện các dự án tái cơ cấu ngành nông nghiệp.

- Triển khai các nội dung đào tạo theo chỉ đạo của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn như: Thực hiện cơ cấu đào tạo hợp lý; rà soát bổ sung chương trình đào tạo nghề phù hợp với chương trình tái cơ cấu, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững ở địa phương.

- Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã; ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện; Huy động sự tham gia đồng bộ giữa các cấp, các ngành và các đoàn thể từ tỉnh tới cơ sở, đặc biệt là sự tham gia của các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp như: Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh...

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, vận động, tuyên truyền Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về vai trò của đào tạo nghề đối với tạo việc làm, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nông thôn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa đào tạo nghề nông nghiệp theo hướng có đối ứng của Nhà nước để thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng tham gia vào công tác đào tạo nghề nông nghiệp; gắn tư vấn việc làm để lao động sau khi học nghề

được tiếp cận vay vốn phát triển sản xuất từ quỹ hỗ trợ việc làm Quốc gia, Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả đào tạo nghề nông nghiệp có sự phối hợp của các cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị xã hội và chính quyền cấp huyện, xã.

- Ban Chỉ đạo các cấp nghiêm túc thực hiện trách nhiệm được giao theo Thông tư liên tịch số 30/2012/TTLT-BLĐTBXH-BNV-BNN&PTNT-BTC-BTTTT. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ.

UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kết quả thực hiện đào tạo nghề cho lao động nông thôn 09 năm giai đoạn 2010 - 2018 và định hướng, nhiệm vụ giai đoạn 2019 - 2020 trên địa bàn tỉnh để Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi và chỉ đạo thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Thành viên BCD 1956 của tỉnh;
- Các Sở: Lao động –Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, thể thao và Du lịch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Huyện ủy, thành ủy, UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: CVP,PCVP(NL), KG-VX,CB-TH;
- Lưu VT, pNNTNlesang228.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tăng Bính**







Phụ lục II

KINH PHÍ HỖ TRỢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP 9 NĂM GIAI ĐOẠN NĂM 2010-2018



Được báo cáo số 228 /BC-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: 1000 đ

TT	Nội dung	Năm 2010		Năm 2011		Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015		Năm 2016		năm 2017		Năm 2018	
		NST W	NS ĐP	NST W	NS ĐP	NST W	NS ĐP	NST W	NS ĐP	NST W	NS ĐP	NST W	NS ĐP	NST W	NS ĐP	NST W	NS ĐP	NST W	NS ĐP
1	Điều tra khảo sát nhu cầu	-	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phát triển chương trình giáo trình nghề nông nghiệp	190	130	0	0	0	20	0	100			0	0			70	30	100	
3	Tuyên truyền công tác đào tạo nghề Nông nghiệp	273	130	30	0	0	0	40	40	30	60	40	20	80		63		0	
4	Hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp	9,542	16,723	2,350		2,070	4,242	3,100	3,260	3,036	2,806	1,470	1,500	981	1,450				
-	Đào tạo cấp chứng chỉ	9,542	16,723	2,350		2,070	4,242	3,100	3,260	3,036	2,806	1,470	1,500	981	1,450				
-	Đào tạo không cấp chứng chỉ	-	0																
5	Giám sát đánh giá tình hình thực hiện nâng cao chất lượng đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn	521	246	211		100	260		30	30	39	15		33	50				

-	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực xây dựng kế hoạch, quản lý, triển khai tổ chức thực hiện ĐTN nông nghiệp cho LĐNT	52	27	15			27	37													
-	Tổ chức các đoàn thanh tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện ĐTN nông nghiệp cho LĐNT	469	219.3	196			73	223		30	30	38.5	15		32.8	50					
-	Các hoạt động khác.	-	0																		
	<b>Cộng</b>	<b>10,526</b>	<b>17,230</b>	<b>2,591</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2,170</b>	<b>4,522</b>	<b>3,140</b>	<b>40</b>	<b>3,420</b>	<b>60</b>	<b>3,106</b>	<b>0</b>	<b>2,865</b>	<b>80</b>	<b>1,485</b>	<b>1,633</b>	<b>1,044</b>	<b>1,600</b>	<b>0</b>

Phụ lục III

HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO NGHỀ NÔNG NGHIỆP CHO LAO ĐỘNG NÔNG THÔN 9 NĂM GIAI ĐOẠN 2010-2018



theo báo cáo số 228/BC-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên nghề đào tạo	Tổng số lao động được đào tạo	Tổng số người đã học xong		Tổng số người có việc làm		Lao động tiếp tục làm nghề cũ	Lao động có việc làm mới theo nghề học	Lao động được tuyển dụng	Lao động được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm	Lao động tự tạo việc làm	Lao động thành lập được HTX, THT	Lao động thoát nghèo	Lao động có thu nhập khá
			Chỉ tiêu	%	Chỉ tiêu	%								
1	Phòng chống dịch cho gia súc, gia cầm	3,480	3,480	100	2,887	83.0	X		32		2,887		208	221
2	Quản lý dịch hại tổng hợp	695	695	100	475	68.3	X				475		39	92
3	Trồng rau an toàn	887	887	100	652	73.5	X			30	652		4	34
4	Trồng và nhân giống nấm	1,661	1,661	100	1,124	67.7	X			125	1,124	25	32	30
5	Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt	70	70	100	70	100.0	X				70			
6	Trồng và khai thác rừng trồng	815	815	100	815	100.0	X				815		35	
7	Sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi	1,877	1,877	100	813	43.3	X				813	69	170	82
8	Chăn nuôi gia súc gia cầm	3,192	3,192	100	2,104	65.9	X				2,104		67	305
9	Trồng lúa năng suất cao	245	245	100	245	100.0	X				245			24
10	Kỹ thuật c/ biến tôm, cá mực nước mặn	100	100	100	80	80.0	X				80			
11	Trồng tiêu	30	30	100	30	100.0	X				30			
12	Kỹ thuật sơ chế và bảo quản hoa màu	60	60	100	60	100.0	X				60			
13	Kỹ thuật chế biến sản lát	70	70	100	70	100.0	X				70			
14	Trồng chè	20	20	100	20	100.0	X				20			
15	Tạo dáng và chăm sóc cây cảnh	544	544	100	287	52.8	X		11		287	34		
16	Trồng cây lương thực thực phẩm	241	241	100	241	100.0	X				241			
<b>Tổng cộng</b>		<b>13,987</b>	<b>13,987</b>		<b>9,973</b>		-	-	<b>43</b>	<b>155</b>	<b>9,973</b>	<b>128</b>	<b>555</b>	<b>788</b>